

BỆNH VIỆN BẠCH MAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 130 /KH-CĐYTBM

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH
CHI TIẾT THỰC HIỆN ĐÀO TẠO MÔN HỌC/ MÔ ĐUN NĂM HỌC 2025 – 2026

Căn cứ Quyết định số 252/QĐ-CĐYTBM ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai về việc ban hành khung kế hoạch đào tạo năm học 2025-2026;

Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai thông báo Kế hoạch chi tiết thực hiện đào tạo môn học/mô đun năm học 2025-2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Mốc thời gian đào tạo

STT	Khung kế hoạch	Thời gian	Ghi chú
1.	Học kỳ I	Từ 18/08/2025 đến 18/01/2026	
	Xét điểm rèn luyện	Từ 18/01/2026 đến 20/02/2026	
	Xét học bổng	Từ 20/02/2026 đến 25/02/2026	
2.	Học kỳ II	Từ 19/01/2026 đến 05/07/2026	
	Xét điểm rèn luyện	Từ 06/07/2026 đến 16/08/2026	Đối với SV năm 1; năm 2
	Xét học bổng, khen thưởng năm học	Từ 17/08/2026 đến 27/08/2026	
3.	Học kỳ hè	Từ 06/07/2026 đến 16/08/2026	
4.	Xét tiến độ học tập	Từ 16/08/2026 đến 22/08/2026	

II. Kế hoạch chi tiết

1. Các lớp năm thứ Ba

1.1. Cao đẳng Điều dưỡng Khóa 11

STT	Môn học/ Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Ghi chú
1	Mô đun 20	3	HKI	
2	Mô đun 21	3		
3	Chính trị	5		
6	Mô đun 9	6	HKII	
7	Mô đun 11	4		
8	Mô đun 14	2		
9	Mô đun 15	2		
10	Mô đun 17	3		
11	Môn tự chọn	3		
12	Thực tập tốt nghiệp	5		

[Handwritten signature]

1.2. Cao đẳng Kỹ thuật Hình ảnh Y học Khóa 10

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Ghi chú
1	TTBV1	4	HKI	
2	TTBV2	4		
3	KT siêu âm	2		
4	TCYT & Nghiên cứu khoa học	3		
5	Giáo dục Chính trị	5		
6	TTBV 3	4	HKII	
7	Y học hạt nhân và xạ trị	2		
8	Xquang chẩn đoán	2		
9	Thực tập tốt nghiệp	4		

1.3. Cao đẳng Kỹ thuật Xét nghiệm Y học khóa 10

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Ghi chú
1	TTBV Huyết học 1	2	HKI	
2	TTBV Hóa sinh 1	2		
3	TTBV Vi ký sinh 1	2		
4	TTBV Giải phẫu bệnh	2		
5	Giáo dục Chính trị	5		
6	TCYT & Nghiên cứu khoa học	3		
7	Xét nghiệm độc chất	1	HKII	
8	TTBV Hóa sinh 2	2		
9	TTBV Huyết học 2	2		
10	TTBV Vi ký sinh 2	2		
11	Quản lý khoa xét nghiệm	1		
12	Thực tập tốt nghiệp	4		

1.4. Cao đẳng Kỹ thuật VLTL và PHCN Khóa 10

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Ghi chú
1	VLTL - PHCN các bệnh lý hệ Thần kinh	3	HKI	
2	VLTL - PHCN các bệnh lý Nội khoa	3		
3	Giáo dục Chính trị	5		
4	TCYT & Nghiên cứu khoa học	3		
5	TTBV 2	6		

(Chữ ký và dấu)

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Ghi chú
6	VLTL - PHCN các bệnh lý Ngoại khoa	2	HKII	
7	VLTL - PHCN các bệnh lý Nhi khoa	2		
8	PHCN dựa vào cộng đồng	1		
9	TTBV 3	6		
10	Thực tập tốt nghiệp	5		

2. Các lớp năm thứ Hai

2.1. Cao đẳng Điều dưỡng Khóa 12

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Mô đun 5: Kỹ thuật điều dưỡng	5	HKI	X	
2	Mô đun 6: CSSK Người lớn Nội khoa 1	5		X	
3	Mô đun 19: Thực tập cộng đồng	2		X	
4	Mô đun 22: Công tác xã hội	2		X	
5	Mô đun 7: CSSK Người lớn Nội khoa 2	5	HKII	X	
6	Mô đun 8: TTBV Điều dưỡng cơ sở	2		X	
7	Mô đun 10: CSSK Người lớn hệ Ngoại	4		X	
8	Tin học	3		X	
9	Mô đun 16: CSNB Cấp cứu, HSTC và Truyền nhiễm	3		X	

(Chữ ký và đóng dấu)

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
10	Mô đun 12: CSSK sinh sản, bà mẹ và trẻ sơ sinh	3	Môn học/ Mô-đun bắt đầu năm học 2025-2026, kết thúc năm học 2026-2027		
11	Mô đun 13: CSSK trẻ em	3			
12	Mô đun 21: PHCN, Y học cổ truyền	2			
13	Giáo dục chính trị	5			
14	Mô đun 20: Quản lý điều dưỡng và Nghiên cứu điều dưỡng	4			
15	Mô đun 9: TTBV CSSK người lớn hệ Nội	6			
16	Mô đun 11: TTBV CSSK người lớn hệ Ngoại	4			
17	Mô đun 14: TTBV CSSK sinh sản, bà mẹ và trẻ sơ sinh	2			
18	Mô đun 15: TTBV CSSK trẻ em	2			
19	Mô đun 17: TTBV Cấp cứu, HSTC và Truyền nhiễm	3			

[Signature]

2.2. Cao đẳng Điều dưỡng Chất lượng cao khóa 1

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Tiếng Anh nâng cao	2	HKI	x	
2	Kỹ thuật điều dưỡng	5			
3	CSSK Người lớn Nội khoa 1	5		x	
4	Dịch tễ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng	4		x	
5	Công tác xã hội	2		x	
6	CSSK Người lớn Nội khoa 2	5	HKII	x	
7	TTBV Điều dưỡng cơ sở	2		x	
8	CSSK Người lớn hệ Ngoại	4		x	
9	CSNB Cấp cứu, HSTC và Truyền nhiễm	3		x	
10	Tiếng anh chuyên ngành	2		x	
11	Tin học	3			
12	CSSK sinh sản, bà mẹ và trẻ sơ sinh	3	Môn học/ Mô-đun bắt đầu năm học 2025-2026, kết thúc năm học 2026-2027		
13	CSSK trẻ em	3			
14	Quản lý điều dưỡng	2			
15	Nghiên cứu khoa học	2			
16	TTBV CSSK người lớn hệ Nội	6			

[Handwritten signature]

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
17	TTBV CSSK người lớn hệ Ngoại	4	Môn học/ Mô-đun bắt đầu năm học 2025-2026, kết thúc năm học 2026-2027		
18	TTBV CSSK sinh sản, bà mẹ và trẻ sơ sinh	2			
19	TTBV CSSK trẻ em	2			
20	TTBV Cấp cứu, HSTC và Truyền nhiễm	3			

2.2. Cao đẳng Kỹ thuật Hình ảnh Y học Khóa 11

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Chính trị	5	HKI	x	
2	Tin học	3		x	
3	Bệnh học Ngoại - Sản	2		x	
4	Bệnh học Nội - Nhi	3		x	
5	Cơ sở vật lý hình ảnh	2		x	
6	Thực tập bệnh viện Nội - Ngoại	2		x	
7	Kỹ thuật xử lý hình ảnh	2		x	
8	Kỹ năng giao tiếp và công tác xã hội	3		x	
9	Điện kỹ thuật và bảo dưỡng máy X-Quang	2	HKII	x	
10	Kỹ Thuật chụp X-Quang 1	3		x	
11	Kỹ Thuật chụp X-Quang 2	3		x	
12	Giải phẫu X-Quang	2		x	
13	Kỹ thuật chụp X-Quang đặc biệt	3		x	
14	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính	5		x	
15	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ	3	Môn học/ Mô-đun bắt đầu năm học 2025-2026, kết thúc năm học 2026-2027		

(Chữ ký và đóng dấu)

2.3. Cao đẳng Kỹ thuật Xét nghiệm Y học khóa 11

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Chính trị	5	HKI	x	
2	Tin học	3		x	
3	Bệnh học Ngoại - Sản	2		x	
4	Bệnh học Nội - Nhi	3		x	
5	Thực tập bệnh viện Nội - Ngoại	2		x	
6	Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản	2		x	
7	Huyết học 1	2		x	
8	Hóa sinh 1	3		x	
9	Kỹ năng giao tiếp và công tác xã hội	3		x	
10	Ký sinh trùng	2	HKII	x	Học từ HKI và xét HB HKII
11	Vi sinh	4		x	
12	Giải phẫu bệnh	2		x	
13	Huyết học 2	2		x	
14	Hóa sinh 2	2		x	
15	Thực hành huyết học	4		x	
16	Thực hành hóa sinh	4		x	
17	Thực hành vi ký sinh	4		x	

2.4. Cao đẳng Kỹ thuật Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng khóa 11

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Chính trị	5	HKI	x	
2	Tin học	3		x	
3	Bệnh học Ngoại - Sản	2		x	
4	Bệnh học Nội - Nhi	3		x	
5	Thực tập bệnh viện Nội - Ngoại	2		x	
6	GPCN hệ vận động và thần kinh	2		x	
7	Sinh cơ học	2		x	
8	Kỹ năng giao tiếp và công tác xã hội	3		x	
9	Vận động trị liệu	3	HKII	x	
10	Lượng giá chức năng	3		x	
11	Hoạt động trị liệu	2		x	
12	Ngôn ngữ trị liệu	2		x	

(Chữ ký)

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
13	Các phương pháp điều trị bằng các tác nhân vật lý	3	HKII	x	
14	VLTL-PHCN các bệnh lý về cơ xương khớp và cột sống	2		x	
15	VLTL-PHCN các bệnh lý hệ Thần kinh	3	Môn học/ Mô-đun bắt đầu năm học 2025-2026, kết thúc năm học 2026-2027		

2.5 Cao đẳng Dược K1

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Bệnh học	6	HKI	x	
2	Tin học	3		x	
3	Thực vật	3		x	
4	Hoá phân tích	3		x	
5	Nghiên cứu khoa học	2		x	
6	Hoá dược	4	HKII	x	
7	Dược liệu	4		x	
8	Bào chế	4		x	
9	Pháp chế dược	3		x	
10	Quản lý tồn trữ thuốc	2		x	
11	Dược lý	6		x	
12	Kinh tế dược	3.5	Môn học/ Mô-đun bắt đầu năm học 2025-2026, kết thúc năm học 2026-2027		
13	Dược học cổ truyền	3			

3. Các lớp năm thứ Nhất

3.1. Cao đẳng Điều dưỡng khóa 13

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Pháp luật	2	HKI	x	
2	Mô đun 1: Cấu tạo và chức năng cơ thể người	4		x	
3	Mô đun 3: Y đức, giao tiếp và giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng	3		x	
4	Giáo dục thể chất	2			Môn ĐK

[Signature]

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
5	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	HKII		Môn ĐK
6	Tiếng Anh	4		x	
7	Mô đun 2: Đại cương sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi	4	HKII	x	
8	Mô đun 4: Điều dưỡng cơ sở ngành	4		x	
9	Chính trị	5		x	
10	Tin học	3			
11	Mô đun 5: Kỹ thuật điều dưỡng	5	Môn học/ Mô-đun bắt đầu năm học 2025-2026, kết thúc năm học 2026-2027		
12	Mô đun 6: CSSK người lớn nội khoa 1	5			
13	Mô đun 7: CSSK người lớn nội khoa 2	5			
14	Mô đun 22: Công tác xã hội	2			

3.2. Cao đẳng Kỹ thuật Hình ảnh Y học khóa 12

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Pháp luật	2	HKI	x	
2	Vi sinh vật – Ký sinh trùng	2		x	
3	Giáo dục thể chất	2			Môn ĐK
4	Tiếng Anh	4		x	Điều chỉnh lên HKI
5	Chính trị	5		x	Điều chỉnh lên HKI
7	Kỹ năng giao tiếp – Công tác xã hội	3	HKII	x	Học từ HKI và xét HB HKII
8	Giải phẫu Sinh lý – Sinh học di truyền	5		x	Học từ HKI và xét HB HKII
9	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3			Môn ĐK
10	DD-VSATTP-DTH-SKMT	3		x	
11	Điều dưỡng cơ bản – Cấp cứu ban đầu	2		x	
12	Dược lý & Sinh lý bệnh	3		x	
13	Hóa sinh	2		x	
14	Tin học	3			
15	Bệnh học Nội và nhi	3	Môn học bắt đầu năm học 2025-2026, kết thúc năm học 2026-2027		
14	Bệnh học Ngoại và sản	2			

3.3. Cao đẳng Kỹ thuật Xét nghiệm Y học Khóa 12

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Pháp luật	2	HKI	x	
2	Tiếng Anh	4		x	
3	Giáo dục thể chất	2			Môn ĐK
4	Chính trị	5		x	Điều chỉnh lên HKI
5	Kỹ năng giao tiếp – Công tác xã hội	3	HKII	x	Học từ HKI và xét HB HKII
6	Giải phẫu Sinh lý – Sinh học di truyền	5		x	Học từ HKI và xét HB HKII
7	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3			
8	DD-VSATTP-DTH-SKMT	3		x	
9	Điều dưỡng cơ bản – Cấp cứu ban đầu	2		x	
10	Dược lý & Sinh lý bệnh	3		x	
11	Tin học	3			
12	Bệnh học Nội và nhi	3	Môn học bắt đầu năm học 2025-2026, kết thúc năm học 2026-2027		
13	Bệnh học Ngoại và sản	2			

3.4. Cao đẳng Kỹ thuật VLTL và PHCN Khóa 12

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Pháp luật	2	HKI	x	
2	Tiếng Anh	4		x	Điều chỉnh lên HKI
3	Vì sinh vật – KST	2		x	
4	Giáo dục thể chất	2			Môn ĐK
5	Chính trị	5		x	Điều chỉnh lên HKI
6	Kỹ năng giao tiếp – Công tác xã hội	3	HKII	x	Học từ HKI và xét HB HKII
7	Giải phẫu Sinh lý – Sinh học di truyền	5		x	Học từ HKI và xét HB HKII
8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3			Môn ĐK

(Chữ ký và dấu)

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
9	DD-VSATTP-DTH-SKMT	3	HKII	x	
10	Điều dưỡng cơ bản – Cấp cứu ban đầu	2		x	
11	Dược lý & SLB	3		x	
12	Hóa sinh	2		x	
13	Tin học	3	Môn học bắt đầu năm học 2025-2026, kết thúc năm học 2026-2027		
14	Bệnh học Nội và nhi	3			
15	Bệnh học Ngoại và sản	2			

3.5. Dược Khóa 2

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Pháp luật	2	HKI	x	
2	Hóa học – Hóa sinh	3		x	
3	Vì sinh vật – Ký sinh trùng	2		x	
4	Giải phẫu sinh lý	2.5		x	
5	Giáo dục thể chất	2	HKII		Môn ĐK
6	Chính trị	5		x	
7	Tiếng Anh	4		x	
8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3			Môn ĐK
9	Kỹ năng giao tiếp & Công tác xã hội	3		x	
10	Bệnh học	6	Môn học bắt đầu năm học 2025-2026, kết thúc năm học 2026-2027		
11	Hóa dược	4			
12	Thực vật	3			
13	Tin học	3			

Nơi nhận:

- Các Khoa/Phòng;
- Lưu: ĐT, HCTH.



Đào Xuân Cơ

Văn bản này được trích xuất ra từ module quản lý văn bản của hệ thống M-Office bởi CAO TUÂN
VŨ_25603@bm.com.vn 08h51 ngày 29/09/2025, đảm bảo khớp đúng với nội dung đã được cấp thẩm quyền

phê duyệt, ban hành.

Chữ ký người trích xuất văn bản:.....

Số chuyển hóa:..... (Số thứ tự năm trích xuất).